**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NGỮ VĂN 8:**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

*Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com*

*https://www.vnteach.com*

**MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Thơ  | 5 | 0 | 3 | 1 | 0 | 1 | 0 |  | 60 |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng số câu** | 5 | 1\* | 3 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 11 |
| **Tổng điểm** | 2,5 | 0.5 | 1.5 | 2.0 | 0 | 2.5 | 0 | 1.0 | 10 |
| **Tỉ lệ %** | 30% | 35% | 25% | 10% | 100 |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá**  | **Số câu hỏi theo mức độ****nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **ĐỌC HIỂU** |  **Thơ** | **Nhận biết:**- Nhận biết được thể thơ- Xác định được biện pháp tu từ trong văn bản.**Thông hiểu:**- Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc.**Vận dụng:**- Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về sự việc trong văn bản. | 5TN | 3TN1TL | 1 TL |  |
|  |  |  |  |
| **2.** | **VIẾT** | Viết bài văn thuyết minh về phương pháp cách làm hoặc danh lam thắng cảnh. | **Nhận biết:****Thông hiểu:****Vận dụng:****Vận dụng cao:**Viết được bài văn thuyết minh về phương pháp cách làm hoặc danh lam thắng cảnh. |  |  |  |  |
|  **Tổng** |  | **5 TN** | **3 TN****1 TL** | **1** **TL** | **1 TL\*** |
| **Tỉ lệ %** |  | **30%** | **35%** | **25%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **65%** | **35%** |

\* Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn ch

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 8**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**Ông đồ**
Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực Tàu, giấy đỏ
Bên phố đông người qua

Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài:
“Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa, rồng bay”

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu...

Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay

Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

(Vũ Đình Liên, trong Thi nhân Việt Nam. Nguyễn Đức Phiên xb, Hà Nội, 1943).

**1. Lựa chọn đáp án đúng cho các câu từ 1 đến 8:**

**Câu 1:**Bài thơ “Ông đồ” viết theo thể thơ gì?

A. Thơ lục bát

B. Thơ 4 chữ

C. Thơ 5 chữ

D. Thơ tự do

**Câu 2:** Trong bài thơ, hình ảnh ông đồ già thường xuất hiện trên phố vào thời điểm nào?

A. Khi hoa mai nở, báo hiệu mùa xuân đã đến.

B. Khi kì nghỉ hè đã đến và học sinh nghỉ học.

C. Khi phố phường tấp nập, đông đúc.

D. Khi mùa xuân về, hoa đào nở rộ.

**Câu 3:** Hai câu thơ: “Hoa tay thảo những nét/ Như phượng múa rồng bay” nói lên điều gì?

A. Ông đồ rất tài hoa.

B. Ông đồ viết văn rất hay.

C. Ông đồ có hoa tay, viết câu đối rất đẹp.

D. Ông đồ có nét chữ bình thường.

**Câu 4:** Hai câu thơ "Giấy đỏ buồn không thắm - Mực đọng trong nghiên sầu" trong bài thơ sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. Hoán dụ.

B. Ẩn dụ.

C. Nhân hóa.

D. So sánh.

**Câu 5:**Hình ảnh nào lặp lại trong khổ thơ đầu và khổ thơ cuối của bài thơ "ông Đồ"?

A. Lá vàng.

B. Hoa đào.

C. Mực tàu.

D. Giấy đỏ.

**Câu 6:** Nghĩa của từ "ông Đồ" trong bài thơ ông "ông Đồ" của Vũ Đình Liên là:

A. Người dạy học nói chung.

B. Người dạy học chữ nho xưa.

C. Người chuyên viết câu đối bằng chữ nho.

D. Người viết chữ nho đẹp, chuẩn mực.

**Câu 7:**  Hai câu thơ nào dưới đây thể hiện tình cảnh đáng thương của ông đồ?

A. Ông đồ vẫn ngồi đấy – Qua đường không ai hay.

B. Năm nay đào lại nở - không thấy ông đồ xưa.

C. Bao nhiêu người thuê viết – tấm tắc ngợi khen tài.

D. Nhưng mỗi năm mỗi vắng – người thuê viết nay đâu.

**Câu 8:** Hai câu thơ: ***Hoa tay thảo những nét/ Như phượng múa rồng bay*** nói lên điều gì?

A. Ông đồ rất tài hoa.

B. Ông đồ viết văn rất hay.

C. Ông đồ có hoa tay, viết câu đối rất đẹp.

D. Ông đồ có nét chữ bình thường.

**2. Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:**

**Câu 9.** [Nhà thơ đã thể hiện những nỗi niềm, tâm tư gì qua khổ thơ cuối?](https://baivan.net/content/nha-tho-da-hien-nhung-noi-niem-tam-tu-gi-qua-kho-tho-cuoi.html)

**Câu 10:**Từ nội dung bài thơ "Ông đồ", em rút ra được những bài học gì trong cuộc sống? (Viết câu trả lời bằng 3 đến 5 dòng)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

ĐỀ : Thuyết minh giải thích hiện tượng “ Biến đổi khí hậu “

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I- NGỮ VĂN 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc****hiểu** | **1** | C | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
| **9** | - Qua khổ thơ cuối bài, nhà thơ đã thể hiện những nổi niềm, tâm tư riêng. Khổ thơ cuối như một sự khắc khoải và dai dẳng. Nhịp tuần hoàn của thời gian vẫn tiếp nối, mỗi mùa xuân lại đến lại đi, để rồi năm nay, ta không còn thấy bóng dáng ông Đồ. Câu thơ cất lên như một nỗi niềm xót xa khôn nguôi.  | 1,0 |
| **10** | - HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học.- Lí giải được lí do nêu bài học ấy.- Bài thơ " Ông đồ" đã gợi cho em bài học sâu sắc về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong cuộc sống ngày nay. Trong bài thơ, hiện lên là hình ảnh ông đồ ở hai thời kì khác nhau, giữa quá khứ và hiện tại. Nếu như trước đây, ông được quý trọng, những nét chữ của ông được "tấm tắc ngợi khen tài" bao nhiêu thì ngày nay, ông lại bị người đời quay lưng, bị quên lãng. Ông đồ chính là hình ảnh về một nếp văn hóa mang bản sắc của dân tộc, đó là tục xin chữ ngày Tết. Những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc vẫn nên được duy trì, phát huy. Để khi nhìn vào đó, ta thấy cả quá khứ một thời hiện về với những kí ức đẹp nhất. | 1,0 |
| **II. Viết** | *a*. *Đảm bảo cấu trúc của đoạn văn*Mở đoạn nêu được vấn đề, Thân đoạn triển khai được vấn đề, Kết đoạn khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Thuyết minh cách làm bánh chưng ngày Tết | 0,25 |
| *c. Triển khai vấn đề đảm bảo các yêu cầu sau:* | 2.5 |
| **Mở bài**: Giới thiệu vài nét đơn giản về bánh chưng.**Thân bài****- Nguồn gốc bánh chưng**: Bánh chưng được ra đời từ rất lâu, loại bánh này có liên quan đến Lang Liêu trong thời vua Hùng Vương thứ 6, đây chính là người đã làm ra. Bánh chưng luôn muốn nói rằng sự quan trọng vai trò hết sức lớn lao của nền văn minh lúa nước.**- Ý nghĩa của loại bánh này**: Bánh chưng mô phỏng và tượng trưng cho đất, nhắc nhớ con người phải biết ơn mảnh đất đã nuôi sống chúng ta.**- Cách làm:**Chuẩn bị nguyên liệu:+ Lá dong, lá chuối dùng gói bánh+ Gạo nếp ngon+ Thịt mỡ, đậu xanh làm nhân bánhThực hiện:+ Công đoạn gói bánh+ Công đoạn luộc bánh+ Công đoạn ép và bảo quản bánh khi bánh chưng đã chín.Bánh chưng dùng làm gì ?+ Bánh chưng để biếu cho người thân, bạn bè.+ Dùng chiêu đãi khách đến nhà.+ Thờ cúng tổ tiên trong ngày tết.**– Tầm quan trọng, vị thế của bánh chưng****Kết bài:** Bánh chưng loại bánh có truyền thống lâu đời trong lịch sử dân tộc, trải qua hàng nghìn năm bánh vẫn không có nhiều sự thay đổi và vẫn giữ nguyên tinh thần đến ngày nay. Bánh chưng vẫn là nét đẹp trong ẩm thực và nhắc nhở con người về nền văn minh lúa nước |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
| *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |